

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST

Ngày 07/9/2017

“V/v Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Quang;

2. Ông Phạm Đông Phong;

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 20/3/2017 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; địa chỉ cư trú: 108 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn A, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh tỉnh Gia Lai, theo văn bản ủy quyền số 681/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 05/8/2016.

2. Bị đơn: Ông Võ Như T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/3/2017 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam ông Hoàng Văn A trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 344/2016-HĐTD/NHCT500 ngày 13/4/2016, ông Võ Như T vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh tỉnh Gia Lai số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, định kỳ trả lãi tiền vay vào ngày 20 hàng tháng, mục đích vay vốn là buôn bán hàng nông sản.

Ngân hàng cho ông Võ Như T vay có bảo đảm về tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 344/HĐTC ngày 12/4/2016, tài sản thế chấp gồm: Đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 727966 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/02/2012; thửa đất số 35; tờ bản đồ: “Sơ đồ phân lô đất ở phía Tây trường THPT Y Đôn”; địa chỉ: tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; diện tích 175,5m².

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Võ Như T đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả lãi như thỏa thuận nên Ngân hàng ra thông báo trả nợ lãi đến hạn và thông báo trả nợ gốc và lãi đến hạn nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 11/01/2017 Ngân hàng phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản kiểm tra việc sử dụng vốn vay thấy ông T sử dụng vốn không đúng mục đích vì khách hàng đã rời khỏi nơi cư trú và ra thông báo chuyển nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Như T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số tiền là 500.000.000 đồng, tiền lãi suất và tiền lãi phạt tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 68.346.895 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 568.364.895 đồng, thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh tỉnh Gia Lai - Phòng giao dịch A.

Trường hợp ông Võ Như T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2017 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P trình bày: Việc ông Võ Như T mua đất tôi không được biết và theo giấy CNQSDĐ số BI 727966 chỉ đứng tên ông T, sau đó ông T có cầm cố để vay Ngân hàng 500.000.000 đồng sử dụng vào mục đích gì bà P không biết, hiện nay ông T đi đâu và làm gì bà P không biết, bà P đồng ý để ngân hàng bán đất trên để giải quyết khoản nợ vay giữa ông T và Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/7/2017 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng ngày 13/4/2016; giấy nhận nợ số 01 ngày 13/4/2016; biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 12/4/2016; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất; hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất; giấy CNQSDĐ số BI 727966 đứng tên ông Võ Như T; bản tự khai ngày 12/3/2017; thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 11/01/2017; 03 thông báo trả nợ lãi đến hạn; Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay; Đơn xác nhận;

Tài liệu do người có quyền lợi liên quan cung cấp gồm: Bản tự khai của bà Nguyễn Thị P ngày 09/6/2017.

Các tài liệu do Tòa án thu thập chứng cứ gồm: Biên bản xác minh nơi cư trú của ông Võ Như T; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Võ Như T đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng ông T không có mặt nên không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 300 và Điều 303; Điều 463; Điều 466; Điều 467; Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Buộc ông Võ Như T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh tỉnh Gia Lai - Phòng giao dịch A toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất tiền vay theo thỏa thuận của hợp đồng. Trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Buộc ông Võ Như T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông Võ Như T trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập ông Võ Như T tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết

luận: Ông Võ Như T vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh tỉnh Gia Lai - Phòng giao dịch A theo hai hợp đồng tín dụng số 344/2016-HĐTD/NHCT500 ngày 13/4/2016, thời hạn vay 12 tháng, định kỳ trả lãi tiền vay vào ngày 20 hàng tháng, mục đích vay vốn là buôn bán hàng nông sản. Sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng ông T đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 13/4/2016.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật này nên áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp. Hợp đồng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và ông Võ Như T là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng trong quá trình sử dụng vốn ông T không thực hiện việc trả lãi đúng quy định và không sử dụng nguồn vốn đúng mục đích là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên ngày 11/01/2017 Ngân hàng tiến hành lập biên bản kiểm tra xác minh sử dụng vốn vay sai mục đích và thông báo chuyển nợ quá hạn để làm căn cứ và thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Như T trả toàn bộ nợ gốc và lãi suất là đúng quy định pháp luật.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 344/HĐTC ngày 12/4/2016 và đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản thế chấp giữa các bên là quyền sử dụng đất của ông Võ Như T là hợp pháp đúng về nội dung và hình thức, nên việc Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông Võ Như T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ là đúng theo quy định tại Điều 299; Điều 300 và Điều 303 của Bộ luật dân sự 2015.

Từ những nhận định trên buộc ông Võ Như T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh tỉnh Gia Lai - Phòng giao dịch A toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi suất và tiền lãi phạt tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 68.346.895 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 568.364.895 đồng.

Trường hợp ông Võ Như T không thanh toán được khoản nợ trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cùng với tiền lãi và lãi suất quá hạn phát sinh. Tài sản thế chấp gồm: Đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 727966 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/02/2012; thửa đất số 35; tờ bản đồ: “Sơ đồ phân lô đất ở phía tây trường THPT Y Đôn”; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; diện tích 175,5m². Trên đất hiện tại không có tài sản.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Võ Như T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh.

3. Xét về án phí: Ông Võ Như T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Xét về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Để có cơ sở cho Tòa án xử lý tài sản thế chấp đúng quy định pháp luật Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và tại phiên tòa đại diện cho Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên với số tiền là 2.450.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét để buộc ông T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 300 và Điều 303; Điều 463; Điều 466; Điều 467; Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Buộc ông Võ Như T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh tỉnh Gia Lai - Phòng giao dịch A toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi suất và tiền lãi phạt tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 68.346.895 đồng (Sáu mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 568.364.895 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp ông Võ Như T không thanh toán được khoản nợ trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cùng với tiền lãi và lãi suất quá hạn phát sinh. Tài sản thế chấp đứng tên ông Võ Như T gồm: Đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 727966 do Ủy ban nhân dân huyện

Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/02/2012; thửa đất số 35; tờ bản đồ: “Sơ đồ phân lô đất ở phía tây trường THPT Y Đôn”; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; diện tích 175,5m². Trên đất hiện tại không có tài sản.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Võ Như T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh.

2. Về án phí: Buộc ông Võ Như T phải chịu 26.734.595 đồng (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm .

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 12.238.589 đồng (Mười hai triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004104 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Gia Lai.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đóng đủ số tiền 2.450.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

4. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/9/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình